

E BOOK

Collection



www.nhipsongcongnghhe.net

Công Nghệ Thông Tin
Âm nhạc, Hội họa
Giáo trình đại học
Khoa học, Kỹ thuật
Lịch sử, Văn hóa
Sách âm thực
Sách kinh tế
Sách ngoại ngữ
Sách phổ thông
Sách tâm lý
Sách Y học

Thơ ca
Truyện tiểu lâm
Truyện Việt Nam
Truyện nước ngoài
Văn học Việt Nam
Văn học nước ngoài

NSCN

Cung cấp Ebook miễn phí tại
www.nhipsongcongnghhe.net



Red Hat Linux 5.1

Chuẩn bị cài đặt

Cài từ CDRom:

Đây là cách cài đặt nhanh nhất và đơn giản nhất khi máy bạn có ổ đĩa CDRom.

Bạn khởi động bằng đĩa mềm Dos có sẵn các driver điều khiển ổ CDRom (đương nhiên là phải có các dòng lệnh nạp driver trong Autoexec.bat và Config.sys). Sau đó đưa đĩa CD Linux 5.1 vào rồi tiến hành cài đặt theo phương thức gọi là Autoboot.

Cài từ ổ cứng:

Chép bộ cài đặt (toàn bộ thư mục RedHat trên đĩa CD gốc) lên 1 partition trên ổ cứng (td: partition Dos) rồi cài hệ điều hành này vào 1 partition khác dành riêng cho nó.

Trong trường hợp cài từ đĩa cứng, bạn cần tạo đĩa mềm gọi là Supplemental Diskette như sau:

* Bạn khởi động Dos, đưa đĩa CD Linux vào ổ CD và đưa đĩa mềm 1.44Mb đã format sẵn vào ổ đĩa mềm.

* Chuyển đến ổ CDRom, td: **C:\>d:**

* Chuyển đến thư mục DosUtils, td: **D:\>cd\dosutils**

* Chạy lệnh Rawrite, td: **D:\dosutils>rawrite**

* Rawrite sẽ hỏi bạn tên file cần thiết để tạo đĩa mềm, gõ địa chỉ và tên file vào chỗ con nháy, td:

Enter disk image source file name: **..\images\supp.img**

Chú ý: Các file để tạo đĩa mềm được chứa trong thư mục Image của đĩa CD Linux

* Gõ tên ổ đĩa mềm làm việc.

Enter target diskette drive: **a:**

* Nếu bạn muốn làm tiếp đĩa khác thì tiến hành lại như trên.

Partition:

Để cài đặt và chạy hệ điều hành Red Hat Linux bạn phải có tối thiểu 1 (hay nhiều) partition dành riêng cho hệ điều hành này gọi là Linux native. Và 1 partition đặc biệt gọi là Linux swap. Bạn không thể cài đặt hệ điều hành này lên partition Dos hay Windows.

Chú ý: Trong quá trình cài đặt Linux, bạn sẽ được cung cấp chương trình để tạo, xóa, thay đổi partition cho Linux.

Swap partition dùng để tạo bộ nhớ ảo (virtual memory). Kích thước tối thiểu của swap partition nên chọn tương đương với bộ nhớ vật lý (RAM), kích thước tối đa là 127 MB. Bạn có thể tạo nhiều swap partition nếu cần thiết (máy Server lớn).

Root partition (/). Chứa các file hệ thống cần thiết cho việc khởi động (boot) và các file cấu hình. Partition có kích thước từ 50 MB đến 100 MB.

/usr partition dùng chứa phần mềm Red Hat Linux sẽ được cài đặt. Tùy theo các thành phần (packages) cần cài đặt mà chọn kích thước từ 300 MB đến 700 MB.

/tmp partition dùng lưu trữ các file tạm thời do các chương trình khi chạy tạo ra. Partition này nên có dung lượng lớn đối với các máy Server (network server) hay hệ thống có nhiều người sử dụng (multiuser systems). Có thể không cần trên máy cá nhân (single-user workstations).

Tài liệu hướng dẫn:

Trước khi cài đặt, nếu các bạn rành tiếng Anh thì có thể tham khảo các tài liệu hướng dẫn (trình bày theo dạng HTML) chứa trong thư mục DOC trên đĩa CD gốc.

Cài đặt từ CDROM:

Khởi động:

www.nhipsongcongnghe.net

Bạn khởi động bằng Dos (từ đĩa mềm hay đĩa cứng đều được) và cài đặt driver điều khiển CDRom để cài Linux trực tiếp từ đĩa CD cho nhanh. Đĩa cứng có thể không cần fdisk và format trước.

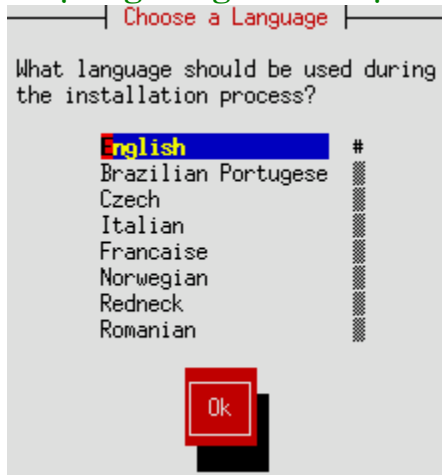
Sau khi khởi động xong chuyển con nháy sang ổ CDRom, vào thư mục Dosutils rồi chạy file Autoboot.bat. Thí dụ:

C:\>d:

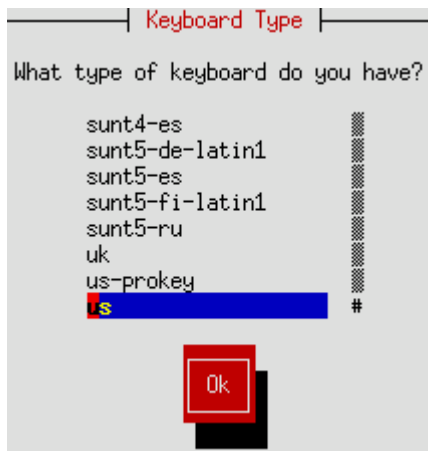
D:\>dosutils

D:\dosutils>autoboot.bat

Chọn ngôn ngữ hiển thị:



Trong hộp thoại chọn ngôn ngữ (Choose a Language), bạn dùng phím mũi tên để di chuyển vệt sáng, bấm phím Tab để di chuyển giữa các mục và nút bấm. Sau khi chọn xong bấm Enter.



Chọn ngôn ngữ cho bàn phím:

Sau khi chọn lựa, bấm Enter.

Chú ý: Sau này nếu bạn muốn thay đổi ngôn ngữ bàn phím, bạn cần dùng lệnh `/usr/sbin/kbdconfig`.

Hỗ trợ PCMCIA:

Nếu bạn có thiết bị PCMCIA, bạn phải trả lời YES và có thể được yêu cầu đưa đĩa driver vào để cài đặt bổ sung.

Chọn nguồn cài đặt:



Trong thí dụ này, ta chọn Local CDRom để cài Linux trực tiếp từ đĩa CD.

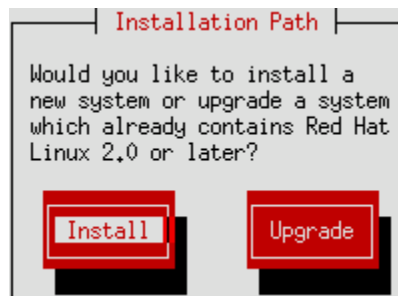
Nếu ổ CDRom của bạn theo chuẩn IDE, Chương trình sẽ nhận diện được ổ đĩa và tiếp tục cài đặt. Nếu ổ đĩa CDRom thuộc các chuẩn khác thì chương trình sẽ không tự nhận diện được và đòi hỏi các bạn phải tự chỉ định trong các hộp thoại tiếp theo.

Nếu ổ CDRom của bạn theo chuẩn IDE nhưng chương trình không nhận diện được. Bạn phải khởi động lại chương trình cài đặt rồi đánh lệnh:

linux hdX=cdrom.

Thay thế X bằng 1 trong các ký tự dưới đây:

- a** -- Nếu ổ CDRom gắn vào đường IDE thứ 1 và được set là master.
- b** -- Nếu ổ CDRom gắn vào đường IDE thứ 1 và được set là slave.
- c** -- Nếu ổ CDRom gắn vào đường IDE thứ 2 và được set là master.
- d** -- Nếu ổ CDRom gắn vào đường IDE thứ 2 và được set là slave.



Cài mới hay nâng cấp:

Bạn chọn Install khi cài mới hay chọn Upgrade để nâng cấp khi trên máy bạn đã có Linux 2.0 hay mới hơn.

Cài driver SCSI:

Bạn chọn Yes khi bạn có Card SCSI, Hộp thoại liệt kê danh sách driver sẽ xuất hiện cho bạn chọn lựa. Chương trình cài đặt có khả năng tự nhận diện được đa số các card SCSI hiện có trên thị trường.

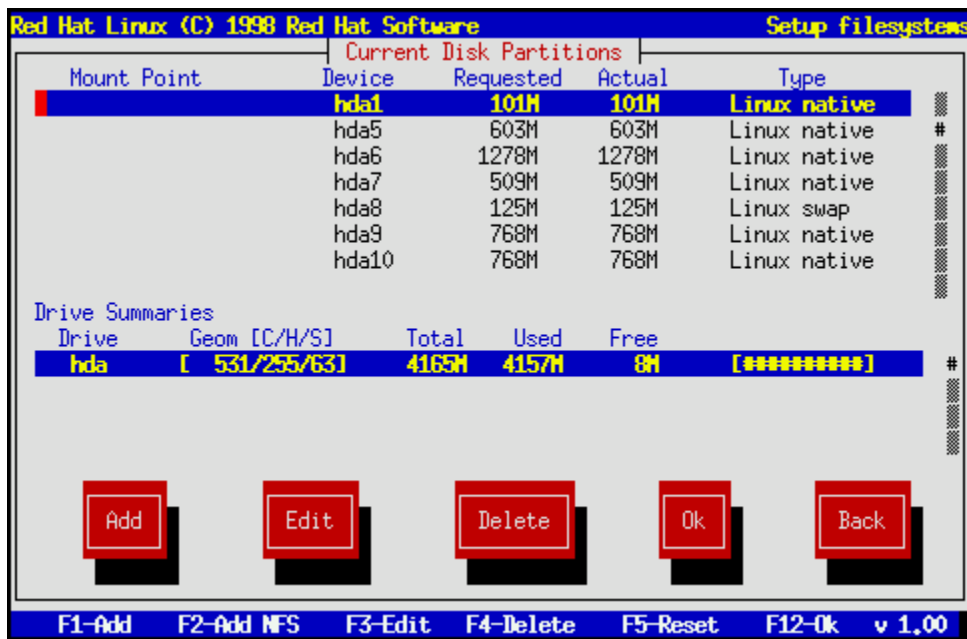
Tạo Partition cho Red Hat Linux:

Chương trình cài đặt cung cấp cho bạn 2 tiện ích để chia đĩa là:



Disk Druid:

Còn gọi là tiện ích quản lý đĩa **Red Hat Linux install-time**. Bạn có thể tạo, xóa partition tùy theo



nhu cầu và có thể cho hiệu lực (mount) hay vô hiệu hóa (unmount) từng partition.

* ý nghĩa các cột trong phần **Current Disk Partitions**:

Mount Point: Tên sử dụng của partition sẽ hiệu lực (mount) khi cài đặt và chạy Red Hat Linux.

Device: Tên hệ thống của partition.

Requested: Kích thước tối thiểu yêu cầu cho partition.

Actual: Kích thước hiện hành của partition.

Type: Kiểu quản lý của partition.

* ý nghĩa các cột trong phần **Drive Summaries**:

Drive: Tên ổ đĩa cứng.

Geom [C/H/S]: Thông số của đĩa cứng (số lượng cylinders, heads, và sectors).

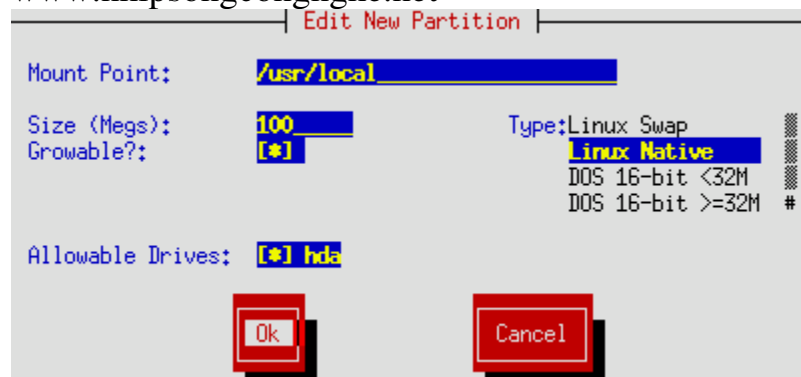
Total: Dung lượng ổ cứng.

Used: Dung lượng đã sử dụng.

Free: Dung lượng chưa sử dụng.

Bar Graph: Đồ thị biểu diễn tỉ lệ dung lượng sử dụng/tổng dung lượng.

Tạo partition (nút Add):



Mount Point: Di chuyển vệt sáng đến mục này rồi gõ tên sử dụng của partition. Thí dụ: root partition (/), Usr partition (/usr).

Size (Megs): Chỉ định dung lượng của partition (megabytes). Chú ý: Dùng phím [Backspace] để xóa và gõ số mới.

Growable?: Chỉ định ưu tiên cho dung lượng của partition này khi chia đĩa. Nhấn phím [Space] đánh dấu hay bỏ dấu chọn. Nếu chọn mục này: Khi dung lượng tự do trên ổ cứng thiếu, dung lượng partition ưu tiên sẽ được giữ nguyên và các partition khác sẽ bị thu nhỏ lại. Khi dung lượng tự do trên ổ cứng dư, partition ưu tiên sẽ chiếm hết phần dư này.

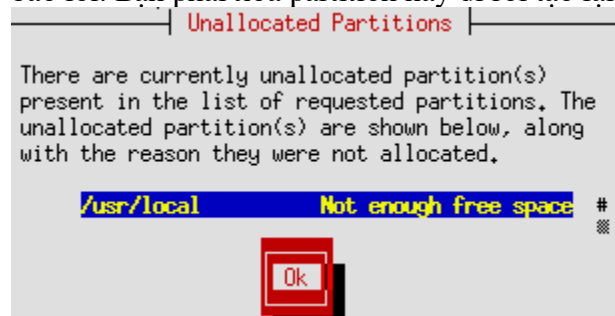
Type: Chỉ định kiểu quản lý partition.

Allowable Drives: Chỉ định ổ đĩa sẽ tạo partition mới (nếu có nhiều ổ đĩa).

Ok: Tiến hành tạo partition.

Cancel: Hủy bỏ việc tạo mới.

Chú ý: Trong trường hợp không thể tạo được partition mới, chương trình sẽ cho hiển thị thông báo lỗi. Bạn phải xóa partition này đi rồi tạo lại.



Xóa partition (nút Delete):

Để xóa partition, bạn chuyển vệt chọn đến partition trong phần Current Disk Partitions rồi chọn nút Delete. Bấm nút [Space]. Bạn sẽ được yêu cầu xác nhận lại.

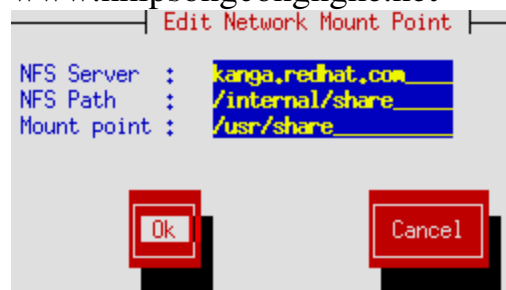
Thay đổi partition (nút Edit):

Để thay đổi partition, bạn chuyển vệt chọn đến partition trong phần Current Disk Partitions rồi chọn nút Edit. Bạn sẽ được đưa vào hộp thoại Edit New partition giống như khi tạo mới.

Chú ý: Đối với partition đã có, bạn chỉ thay đổi được tên sử dụng (mount point) của partition. Nếu bạn muốn thay đổi các chi tiết khác, bạn phải xóa partition cũ và tạo lại partition mới.

Kết nối với ổ đĩa mạng (Add NFS):

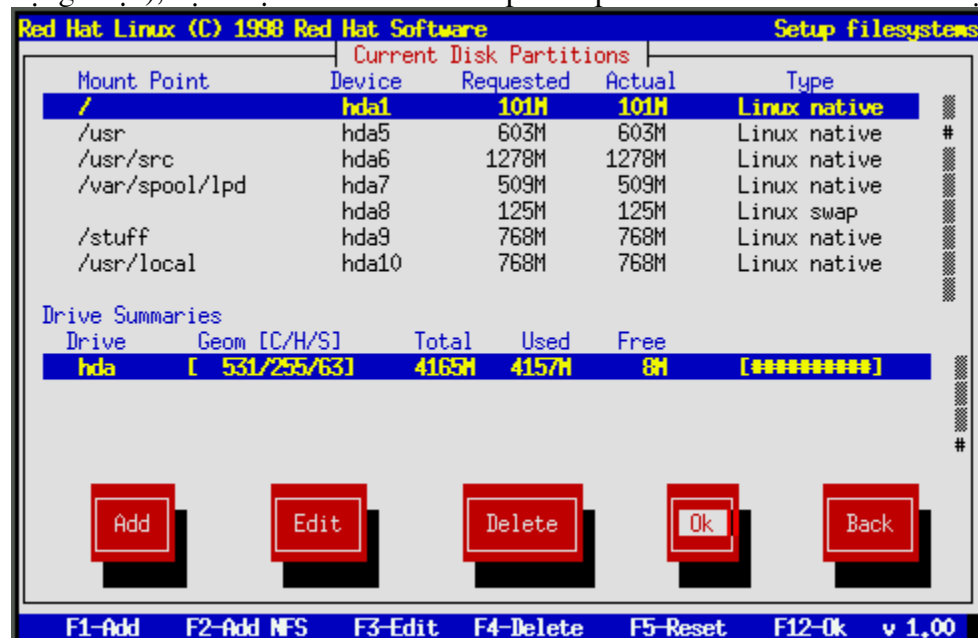
www.nhipsongcongnghe.net



Để kết nối với các ổ đĩa của máy Server, bạn bấm nút F2 (Add NFS). Trong hộp thoại Edit Network Mount Point bạn cần nhập tên NFS server, đường dẫn của ổ đĩa mạng (NFS Path) và tên sử dụng trên máy bạn (mount point).

Hoàn tất:

Sau khi hoàn tất việc chia đĩa và đặt tên cho các partition (chỉ những partition đã đặt tên mới sử dụng được), bạn chọn nút OK rồi bấm phím Space để trở về màn hình cài đặt.

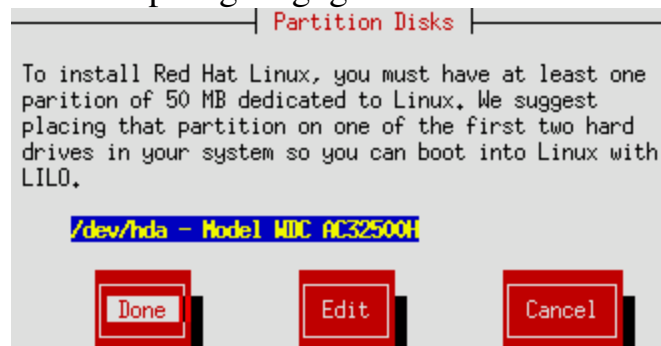


Chú ý: Để cài Linux bạn phải có tối thiểu 1 Partition Linux native được đặt tên / (root) và 1 partition Linux swap (không cần đặt tên).

Fdisk:

Tiện ích này linh động hơn Disk Druid nhưng phức tạp và đòi hỏi bạn phải có kinh nghiệm khi sử dụng.

Trong hộp thoại Partition Disks, bạn chọn ổ đĩa (nếu có nhiều ổ đĩa) rồi chọn nút Edit để cấu hình (chạy Fdisk) và chọn nút Done khi hoàn tất.



Vài điều cần biết về Fdisk:

This is the fdisk program for partitioning your drive. It is running on /dev/hda.

Command (m for help): p

Disk /tmp/hda: 128 heads, 63 sectors, 620 cylinders
Units = cylinders of 8064 * 512 bytes

Device	Boot	Begin	Start	End	Blocks	Id	System
/tmp/hda1		1	1	21	84640+	83	Linux native
/tmp/hda2		22	22	148	512064	83	Linux native
/tmp/hda3		149	149	620	1903104	5	Extended
/tmp/hda5		149	149	275	512032+	83	Linux native
/tmp/hda6		276	276	402	512032+	83	Linux native
/tmp/hda7		403	403	419	68512+	82	Linux swap
/tmp/hda8		420	420	620	810400+	83	Linux native

Command (m for help):

Bấm phím **M** để xem thông tin trợ giúp.

Bấm phím **P** để xem danh sách partition hiện hành.

Bấm nút **N** để tạo partition.

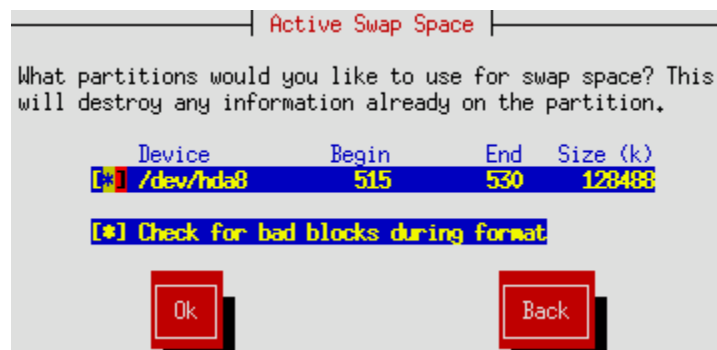
Bấm nút **W** để save và thoát.

Bấm nút **Q** để thoát mà không save.

Chọn ổ Swap:

Chương trình cài đặt yêu cầu bạn chỉ định ổ đĩa Swap để sử dụng trong quá trình cài Linux.

Bạn dùng phím Space để đánh dấu chọn partition Swap. Nếu bạn muốn kiểm tra bề mặt đĩa thì



chọn thêm mục **Check for bad blocks during format** (tốc độ cài đặt sẽ chậm bớt).

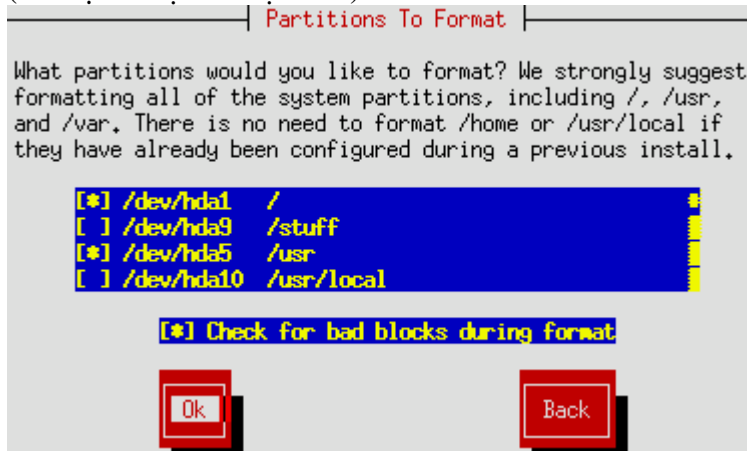
Chú ý: Chương trình sẽ ngừng cài đặt nếu không tìm thấy partition swap.

www.nhipsongcongnghe.net

Format partition:

Bạn dùng phím Space để đánh dấu các partition cần phải format (nếu bạn nâng cấp thì không cần phải format các partition cũ).

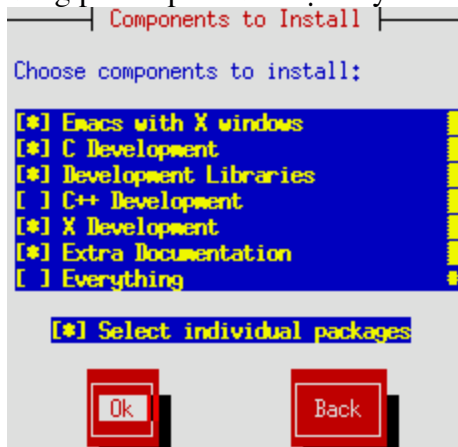
Nếu bạn muốn kiểm tra bề mặt đĩa thì chọn thêm mục **Check for bad blocks during format** (tốc độ cài đặt sẽ chậm bớt).



Chọn lựa các thành phần cài đặt:

Chọn nhóm:

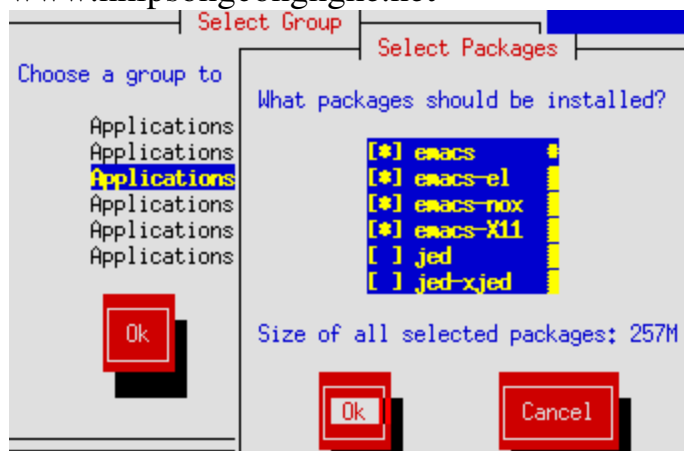
Hộp thoại **Components to Install** cho phép bạn lựa chọn các nhóm chương trình cần cài đặt. Bạn dùng phím Space để chọn hay bỏ chọn.



Để chọn từng chương trình trong nhóm, bạn đánh dấu chọn mục **Select individual packages**.

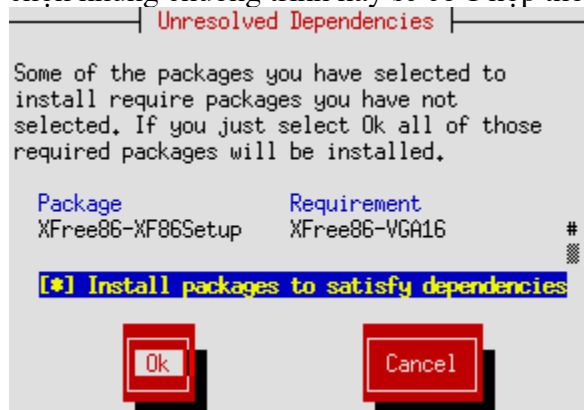
Chọn riêng lẻ:

Bạn chọn nhóm chương trình trong hộp thoại **Select Group**, bấm OK



Đánh dấu chọn từng chương trình riêng lẻ trong nhóm ở hộp thoại **Select Packages** rồi bấm OK. Bạn có thể xem mô tả tính năng của từng chương trình bằng cách chọn chương trình rồi bấm phím F1.

Chú ý: Có một số chương trình khi chạy cần phải liên kết với các chương trình khác, khi bạn chọn những chương trình này sẽ có 1 hộp thoại nhắc nhở bạn cài thêm các chương trình liên kết.



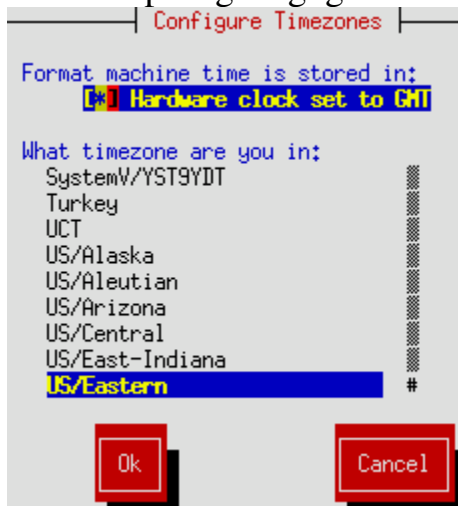
Cấu hình Mouse:

Chương trình sẽ tự động dò tìm ra mouse trên đa số máy. Trong trường hợp không dò tìm ra, bạn sẽ phải tự khai báo trong các hộp thoại kế tiếp.

Nếu muốn thay đổi cấu hình mouse sau khi cài đặt, bạn dùng lệnh `/usr/sbin/mouseconfig`.

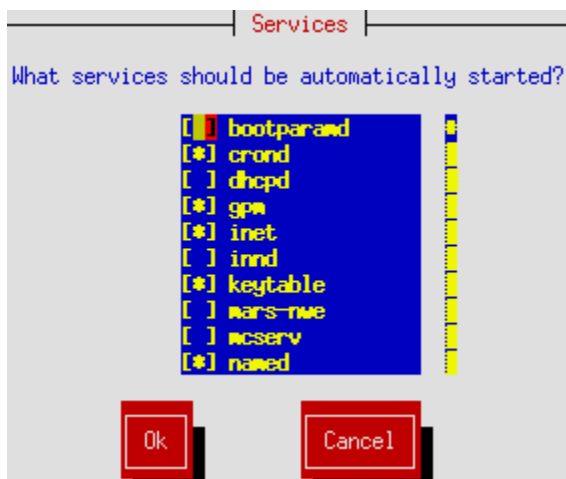
Chọn múi giờ:

Bạn có thể chọn múi giờ **Asia/Sai Gon** trong hộp thoại **Configure Timezone**.



Chọn các chương trình khi khởi động:

Hộp thoại Services cho phép bạn chọn các driver dịch vụ sẽ tự động chạy mỗi khi khởi động



Linux.

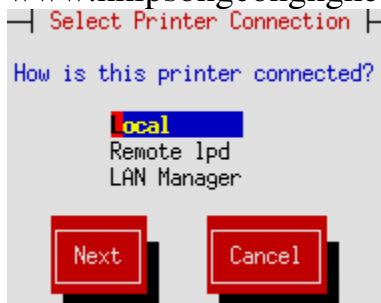
Bạn chọn dịch vụ rồi bấm phím F1 để xem mô tả về tính năng của dịch vụ.

Sau khi cài đặt bạn có thể thay đổi các chọn lựa này khi dùng lệnh `/usr/sbin/ntsysv` hay `/sbin/chkconfig`.

Cài máy in:

Kiểu kết nối:

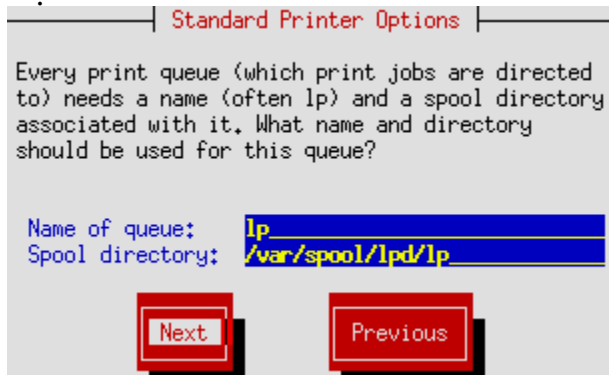
www.nhipsongcongnghe.net



Local: Máy in kết nối trực tiếp với máy tính.

Remote lpd/LAN Manager: Máy in dùng chung trong mạng.

Đặt tên:



Name of queue: Tên sử dụng của máy in.

Spool directory: tên thư mục làm việc dành cho máy in.



Chọn cổng:

www.nhipsongcongnghe.net

LAN Manager Printer Options

To print to a LAN manager printer, you need to provide the LAN manager host name (this is not always the same as the machine's TCP/IP hostname) and possibly the IP address of the print server, as well as the share name for the printer you wish to access and any applicable user name and password.

LAN Manager Host: foo.redhat.com
LAN Manager IP: 10.0.2.15
Share Name: PRINTER
Username: foonly
Password:

Next Previous

Remote lpd Printer Options

To use a remote lpd print queue, you need to supply the hostname of the printer server and the queue name on that server which jobs should be placed in.

Remote hostname: foo.redhat.com
Remote queue: lp

Next Previous

Configure Printer

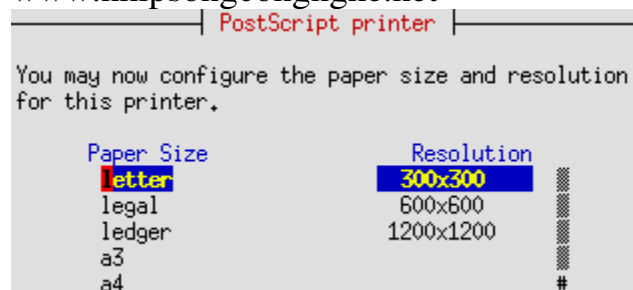
What type of printer do you have?

- HP LaserJet Plus
- HP PaintJet
- HP PaintJet XL
- HP PaintJet XL300 and DeskJet 1200C
- IBM 3853 JetPrinter
- Imagen ImPress
- Mitsubishi CP50
- NEC P6/P6+/P60
- Okidata Microline 182
- PostScript printer**

Next Previous

Chỉ định cổng kết nối với máy in (/dev/lp0 = LPT1, /dev/lp1= LPT2).
Chú ý: Nếu cài máy in mạng, bạn phải khai báo trong các hộp thoại riêng.
Chọn loại máy in

www.nhipsongcongnghe.net



Bạn chọn loại máy in trong hộp thoại liệt kê danh sách (configure Printer). Cuối cùng là hộp thoại chọn khổ giấy và độ phân giải cho máy in.

Đặt Root Password:

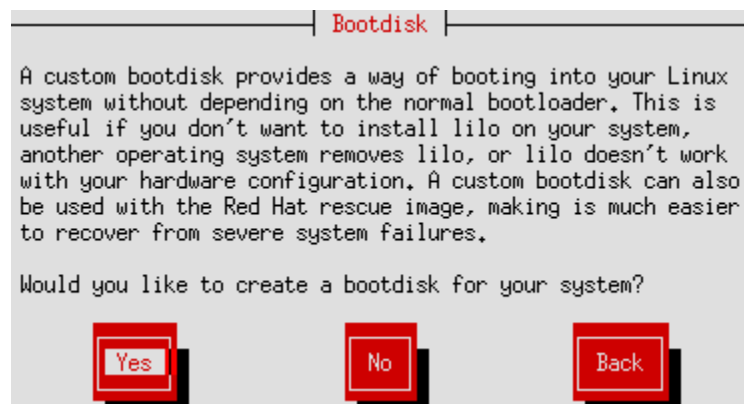
Chương trình cài đặt đòi hỏi bạn thiết lập Root Password (tối thiểu phải dài 6 ký tự), Password



này được dùng để Login vào hệ thống lần đầu tiên.

Chú ý: Người sử dụng Root được coi như là người quản lý hệ thống (Superuser) do đó sau khi chạy Linux lần đầu tiên, bạn có thể xác lập các account người sử dụng khác để Login trong các lần sau (để bảo mật cho Root password).

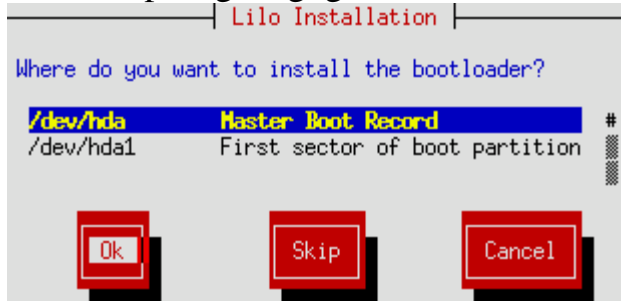
Tạo đĩa mềm khởi động:



Trong hộp thoại Bootdisk bạn có thể chỉ định cho chương trình cài đặt tạo đĩa mềm khởi động.

Cài đặt LILO (Linux Loader):

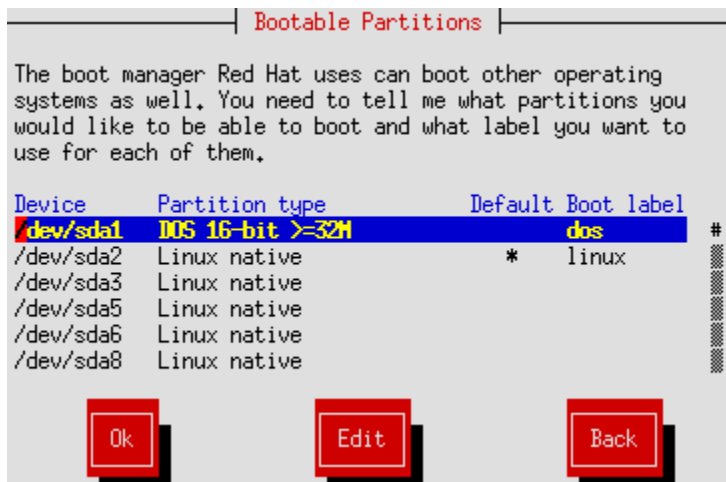
Bạn có thể cài LILO (file hệ thống để khởi động) vào 2 nơi:



Master Boot Record (MBR): Nếu bạn chỉ cài đặt 1 hệ điều hành Linux .

Sector đầu tiên của partition root: Nếu bạn có cài đặt chương trình quản lý Boot (System Commander hay OS/2's Boot Manager) để có thể khởi động bằng nhiều hệ điều hành.

Chú ý: Linux cũng cho phép bạn khởi động bằng nhiều hệ điều hành qua chọn lựa trong hộp



thoại Bootable Partition.

Khi chưa có kinh nghiệm sử dụng Linux, tốt nhất là chúng ta không cài mạng và cũng không nên cài nhiều hệ điều hành cùng với Linux.

Sau khi hoàn tất cài đặt, máy tính sẽ khởi động lại

Logging in:

Sau khi boot lại bạn sẽ thấy hiển thị trên màn hình:

Red Hat Linux release 5.1 (Manhattan)

Kernel 2.0.34 on an i586

login:

Lần đầu tiên chạy Linux, bạn phải login với tên "root", đây là tên người sử dụng có mọi quyền hạn với hệ thống. Bình thường tên này dành riêng cho người quản lý mạng.

Để login, bạn gõ **root** (td: **login:root**) rồi bấm phím Enter. Tiếp theo ở dòng

Password:

Bạn gõ password đã tạo trong quá trình cài đặt (trong khi gõ sẽ không có bất kỳ dấu hiệu nào hiện ra trên màn hình để bảo mật) rồi bấm Enter.

Khi màn hình xuất hiện dòng

[rootYybigdog /root]#

www.nhipsongcongnghe.net

Coi như bạn đã hoàn tất login. Tại dòng lệnh này bạn có thể gõ vào các lệnh cơ bản của Linux (tương tự giao diện dòng lệnh Dos) hay vào giao diện đồ họa của Linux bằng các gõ lệnh **startx** (td: `[root@bigdog /root]#startx`).